

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **46/2019/HSST**
Ngày: 26 – 9 – 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán:* Ông Mai Xuân Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thanh – Bí thư đoàn thanh niên huyện Trực Ninh.

- Ông Nguyễn Văn Thành – Bí thư đoàn thanh niên xã Trực Hưng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thanh Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Quỳnh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2019/TLST-HS ngày 01-8-2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐ-HSST ngày 6-9-2019 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, Sinh năm 1995; Nơi cư trú: Khu dân cư P, phường H, TP. C, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Bố đẻ: Nguyễn Văn V, SN: 1956; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N, SN: 1956; Gia đình có 3 anh chị em, H là thứ 3; Vợ , con: Chưa có; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 14/3/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương xử phạt 10 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Tiền án: Ngày 14/12/2012, bị tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 5 năm 3 tháng tù giam về tội Mua bán phụ nữ. Ngày chấp hành xong 04/3/2017. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/3/2019 đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện Trực Ninh.

2. Họ và tên: **Hà Văn Đ**, Sinh ngày 19/01/2003; Nơi cư trú: Khu Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc, Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Bố đẻ: Hà Văn Đ1, SN: 1972; Mẹ đẻ: Phùng Thị L, SN: 1977; Gia đình có 2 chị em, Đ là thứ 2; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền

sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/5/2019 đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện Trục Ninh.

3. Họ và tên: **Đặng Văn L**, Sinh năm: 1987; Nơi cư trú: xóm Q, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Bố đẻ: Đặng Văn V, SN: 1953; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N, SN: 1952; Gia đình có 6 anh chị em, L là thứ 6; Vợ: Đặng Thị D, SN: 1993; Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/5/2012 TAND huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội xử phạt 10 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2019 đến ngày 11/4/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”.

4. Họ và tên: **Đàm Văn T**, Sinh năm: 1996; Nơi cư trú: Thôn N, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Bố đẻ: Đàm Văn T1, SN: 1966; Mẹ đẻ: Đào Thị V, SN: 1971; Gia đình có 2 anh em, T là thứ 2; Vợ: Trần Thị P, SN: 1996; Có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, Tiền sự: Chưa; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/3/2019 đến ngày 25/4/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa: cho bị cáo Hà Văn Đ: bà Đặng Thị Anh Thư – Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Nam Định. Có mặt.

Người giám hộ cho bị cáo Hà Văn Đ: Chị Phùng Thị L, SN: 1977; Trú tại: Khu Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị Đinh Thị Th, sinh năm 1970; nơi cư trú: Đội 11, T, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định (có mặt tại phiên tòa).

- Người làm chứng: Anh Lê Hùng C, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 12, phường Đ, quận H, tp Hải Phòng (có mặt tại phiên tòa).

- Anh Trần Văn Th, sinh năm 1973; Trú tại: xóm 3, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H và chị Đinh Thị Th, anh Lê Hùng C (bạn chị Th) có quen biết nhau. ngày 09/02/2019, H rủ Đ về nhà chị Th chơi và được chị Th cho ở lại nhà. Buổi chiều ngày 11/02/2019 (ngày 07/01/2019 Âm lịch) chị Th lấy số tiền 200 triệu đồng của mình chia thành 2 cọc, 1 cọc 18.500.000 đồng, 1 cọc 181.500.000 đồng, bọc trong túi nilon màu đen rồi đem để trong 2 túi hông áo khoác gió màu đen của chị Th treo

vào ngăn tủ, trong gian phòng ngủ. H nhìn thấy chị Th cất số tiền trên. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, chị Th bảo H và Đ ở nhà trông coi nhà cho chị Th, để chị Th đi chơi chợ Viềng ở huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, H và Đ đồng ý. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, anh Trần Văn Th đến nhà chị Th trả tiền 03 triệu đồng cho chị Th. Chị Th không có nhà, anh Th điện thoại cho chị Th nói trả tiền, chị Th nói anh Th gửi tiền cho H đang coi nhà nhận hộ, anh Th đưa tiền cho H. Do H nhìn thấy chị Th để tiền để trong ngăn tủ ở phòng ngủ. H nảy sinh ý định lấy trộm số tiền trong tủ của chị Th và chiếm đoạt 3 triệu đồng anh Th trả cho chị Th. H bàn với Đ lấy tiền của chị Th, sau đó H và Đ vào phòng ngủ mở tủ lấy 02 cọc tiền 200 triệu đồng, H đưa cho Đ cọc tiền 18.500.000 đồng và 3.000.000 đồng anh Th đưa trả cho chị Th còn H cầm cất giữ số tiền 181.500.000 đồng. Sau đó H và Đ đóng, cài khóa cửa ra vào nhà chị Th rồi cả 2 đi bộ lên ngã ba Ngất Kéo xã Liêm Hải bắt xe Taxi trên đường đi lên Thành phố Hà Nội.

Khoảng 22h cùng ngày, H và Đ lên tới Hà Nội cả 2 đi vào quán Duyên Béo ở số 18 Lô 7, phường H, quận H gặp Đàm Văn T đang làm đầu bếp tại quán có quen biết với H từ trước. H, Đ rủ T đi uống rượu. Trên đường đi đến khu vực phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, H và Đ vào 1 cửa hàng buôn bán điện thoại di động trên đường (không xác định được địa chỉ cụ thể), H dùng số tiền trong cọc tiền 181.500.000đ mua 2 chiếc điện thoại Iphone6 plus đã qua sử dụng cho H và Đ mỗi người 1 chiếc hết 11 triệu đồng. Sau đó cả bọn đi đón Đặng Văn L (đang làm nghề lái taxi ở TP Hà Nội) rồi cả bọn cùng nhau đi uống rượu. Đến khoảng 01 giờ ngày 12/02/2019, uống rượu xong cả bọn tiếp tục đến 1 quán Karaoke tại khu vực hồ Đền Lừ hát karaoke. H đưa cho L 5,5 triệu đồng bảo L: "Hôm nay sinh nhật anh, anh đi mua ke, kẹo về chơi" ý nói L đi mua ma túy (Ke, Kẹo) về cùng sử dụng. L cầm tiền đi tìm mua ma túy nhưng không mua được. H gọi 4 nhân viên nữ (không xác định được là ai) lên hát cùng và L nhờ số nhân viên này mua ma túy giúp. Sau đó 1 người trong số 4 nhân viên trên đã mua giúp số ma túy hết 6,5 triệu đồng đưa cho L. L bỏ thêm 1 triệu để trả tiền mua ma túy cho người nhân viên trên. Cả bọn vừa hát vừa cùng sử dụng ma túy, riêng T không sử dụng. Trong khi hát T hỏi H: "Có tiền cho tao vay hai, ba triệu". Thì H lấy trong số tiền trộm cắp được đưa cho T vay 04 triệu đồng. Thấy H có nhiều tiền, T hỏi H: "Tiền đâu mà nhiều thế?". H nói: "Tiền tao đi vay, mai tao đi Trung Quốc". Cả bọn tiếp tục hát đến 06 giờ sáng cùng ngày thì T về đi làm, còn H, Đ và L thuê nhà nghỉ tại khu vực hồ Đền Lừ ngủ. Tại nhà nghỉ, H và Đ bỏ toàn bộ số tiền trộm cắp được còn lại đem ra đếm thì còn được hơn 170.000.000 đồng. Thấy H và Đ có nhiều tiền, L hỏi H: "Có vụ gì mà nhiều tiền thế?". H nói với L: "Em và Đ lấy của anh chị ở Nam Định". L biết được số tiền H, Đ có trên do trộm cắp được mà có. Cả bọn không ngủ mà tiếp tục nằm nói

chuyện. Do bản thân đang vay nợ tiền người khác, L nói với H: "Mày rút cho anh mượn 20 triệu". H đồng ý. H rủ L chở H và Đ đi lên Tam Đảo tỉnh Vĩnh Phúc chơi. L đồng ý rồi lấy xe Taxi chở H và Đ đi. Khi ra bãi lấy xe, H đưa cho L mượn 20 triệu, L cầm tiền đem về nhà trọ để rồi chở H và Đ đi lên Tam Đảo ăn chơi đến sáng ngày 13/2/2019 về Hà Nội, L chở H và Đ đến 1 cửa hàng trang sức tại khu vực phường Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm mua 2 sợi dây chuyền vàng, 2 lắc bạc hết 37 triệu đồng. Đến sáng 14/2/2019, L lại chở H và Đ lên Thị trấn SaPa, tỉnh Lào Cai chơi đến sáng 16/2/2019 quay về Hà Nội.

Sáng 12/2/2019, chị Th và anh C đi chợ Viêng về không thấy H, Đ ở nhà. Kiểm tra trong tủ phát hiện bị mất toàn bộ số tiền 200 triệu. Nghi ngờ H và Đ đã trộm cắp số tiền trên, chị Th và anh C đã liên lạc nhưng không được. Ngày 16/2/2019, cháu Th con trai chị Th đã sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook tên "Tân Nhật" của Th đăng hình ảnh H kèm theo nội dung nói H là người trộm cắp 200 triệu của gia đình Th. Cùng ngày 16/02/2019, T vào mạng Facebook phát hiện nội dung trên. Tối ngày 16/02/2019, H và Đ rủ T đi hát Karaoke. Trong khi hát T hỏi H: "Tao tưởng mày đi rồi, sao giờ vẫn còn ở đây?". H nói: "Tao đi chơi mấy ngày mất một trăm bảy mươi triệu". T lại hỏi H: "Sao lấy tiền của ai mà nó đăng lên Facebook thế?". H nói: "Tao với Đ lấy trộm của anh chị chỗ làm dưới tỉnh Nam Định". T biết được số tiền H có khi đi hát karaoke hôm trước đó và 4 triệu H cho T vay là do H và Đ trộm cắp ở Nam Định mà có và bị chủ nhà đăng lên mạng xã hội Facebook. Sáng ngày 17/2/2019, H đến quán Duyên Béo gặp T đưa cho T 3,9 triệu trong số tiền trộm cắp của chị Th nhờ T thuê nhà trọ giúp. T đã thuê nhà trọ cho H tại khu vực hồ Đền Lừ và trả trước 1 tháng tiền nhà trọ cho chủ nhà là 1.300.000 đồng. T còn giữ lại 2.600.000 đ. Thời gian sau, H và Đ ăn tiêu hết số tiền đã trộm cắp của chị Th, bán dây chuyền vàng, lắc tay bạc và điện thoại lấy tiền tiêu hết (không xác định được bán cho ai), H bỏ về nhà ở Hải Dương còn Đ xin làm tự do tại tỉnh Ninh Bình. Trong mấy ngày ăn chơi và đến khi biết H và Đ trộm cắp tiền của người khác, T và L cũng không tố giác hành vi trộm cắp của H và Đ trước cơ quan chức năng có thẩm quyền để giải quyết. Ngày 9/3/2019, chị Th tìm gặp được H tại TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương và yêu cầu H trả lại số tiền 203 triệu đã chiếm đoạt. H gọi điện thoại cho L yêu cầu L trả lại số tiền 20 triệu trong số tiền H trộm cắp đã cho L vay. L đã đem số tiền 20 triệu H cho vay mang về trả lại cho chị Th. Chị Th đã yêu cầu H về làm việc tại UBND xã L.

Số tiền H và Đ đã chiếm đoạt tổng là 203 triệu. Trong đó H có cho L vay 20 triệu, đưa cho T trả tiền thuê nhà trọ 3,9 triệu; cho T vay 4 triệu, tổng là 27,9 triệu. Số tiền còn lại 175,1 triệu H và Đ cùng sử dụng tiêu xài chung hết. Sau khi bị phát hiện, L đã đem trả cho chị Th 20 triệu. T trả tiền nhà trọ cho H và Đ 1,3 triệu, còn lại 6,6

triệu (gồm 4 triệu mượn ngày 11/2/2019 và 2,6 triệu tiền thuê nhà còn thừa), anh Trần Văn K là anh vợ T đã đem giao nộp CQĐT. CQĐT đã trả lại số tiền 6,6 triệu đồng cho chị Th.

Sau khi phạm tội, Hà Văn Đ bỏ trốn bị cơ quan CQĐT Công an huyện Trục Ninh ra quyết định truy nã số 04 ngày 15/4/2019. Đến ngày 05/5/2019 Đ bị bắt.

Đối với hành vi chiếm đoạt số tiền 3 triệu đồng (là tiền anh Trần Văn Th gửi trả cho chị Th) ngày 11/2/2019 của Nguyễn Văn H chưa đến mức để truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an huyện Trục Ninh đã xử lý đối với H bằng biện pháp khác.

Đối với hành vi ngày 12/2/2019, H đưa cho L 5,5 triệu đồng để L đi mua ma túy nhưng không mua được. Sau đó L lại nhờ 1 nhân viên nữ tại quán hát khu vực hồ Đền Lừ thuộc quận Hoàng Mai, TP Hà Nội mua ma túy (Ke, Kẹo) với số tiền 5,5 triệu đồng và L đã bỏ thêm 1 triệu của mình để đưa cho người nhân viên nữ mua ma túy rồi cùng nhau sử dụng tại phòng hát karaoke (riêng T không sử dụng). Cơ quan CSĐT Công an huyện Trục Ninh đã tổ chức điều tra truy xét địa chỉ quán karaoke và 4 nhân viên nữ trên theo lời khai của H, L nhưng không xác định được và đã gửi thông báo cho cơ quan CSĐT Công an quận Hoàng Mai để xác minh xử lý tiếp.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Đinh Thị Th yêu cầu Nguyễn Văn H và Hà Văn Đ phải bồi thường trả lại là 176,4 triệu đồng (Chị Th đã nhận 26,6 triệu đồng do L và T trả). H và Đ xin chịu trách nhiệm khắc phục mỗi đối tượng 88,2 triệu đồng để trả cho chị Th. Nhưng bản thân các đối tượng không có tài sản riêng, cũng không đề nghị gia đình, người nhà khắc phục bồi thường thay và đề nghị được bồi thường sau khi chấp hành xong hình phạt.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn H, Hà Văn Đ, Đặng Văn L và Đàm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Cáo trạng số 41/CT-VKS – KSĐT ngày 31/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Văn H, Hà Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 3 Điều 173 BLHS. Truy tố Đặng Văn L và Đàm Văn T về tội “ Không tố giác tội phạm” theo khoản 1 Điều 390 BLHS.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Toàn bộ hành vi, vi phạm pháp luật như đã nêu trên, về trách nhiệm dân sự bị cáo H và Đ xin sau khi mãn hạn tù các bị cáo đi làm sẽ trả cho chị Th.

Chị Đinh Thị Th yêu cầu Nguyễn Văn H và Hà Văn Đ phải bồi thường trả lại là 176,4 triệu đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn

giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo cáo Nguyễn Văn H, Hà Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 3 Điều 173 BLHS. Truy tố Đặng Văn L và Đàm Văn T về tội “Không tố giác tội phạm” theo khoản 1 Điều 390 BLHS.

Căn cứ Khoản 3 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 08 năm đến 08 năm, 6 tháng tù.

Căn cứ Khoản 3 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 101 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hà Văn Đ từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù.

Căn cứ Khoản 1 Điều 390, Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Văn L từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng đến 30 tháng.

Căn cứ Khoản 1 Điều 390, Điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đàm Văn T từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Chị Đinh Thị Th yêu cầu Nguyễn Văn H và Hà Văn Đ phải bồi thường trả lại là 176,4 triệu đồng (Chị Th đã nhận 26,6 triệu đồng do L và T trả). H và Đ xin chịu trách nhiệm khắc phục mỗi đối tượng 88,2 triệu đồng để trả cho chị Th.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Hà Văn Đ: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do rủ rờ lôi kéo, bột phát. Bị cáo còn trong độ tuổi chưa thành niên, hạn chế về nhận thức, quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, do vậy HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất với đề nghị của đại diện VKSND huyện Trục Ninh.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Chị Th xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều thực hiện đúng theo qui định pháp luật.

[2] Từ những chứng cứ nêu trên - HĐXX nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 11/02/2019 Nguyễn Văn H và Hà Văn Đ đã có hành vi lợi dụng sơ hở, không có người trông coi tài sản trộm cắp 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) của chị Đinh Thị Th để trong tủ quần áo trong buồng nhà chị Th. Đặng Văn L và Đàm Văn T biết việc Nguyễn Văn H và Hà Văn Đ trộm cắp tài sản nhưng không tố giác hành vi phạm tội của H và Đ với các cơ quan pháp luật.

Trong vụ án này, Nguyễn Văn H là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội xếp vai trò số 1, Hà Văn Đ cùng tham gia thực hiện tội phạm xếp vai trò số 2, Đặng Văn L và Đàm Văn T xếp vai trò số 3.

Hành vi của Nguyễn Văn H và Hà Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 173 BLHS. Hành vi của Đặng Văn L và Đàm Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 390 BLHS. Như cáo trạng số 41/CT-VKS – KSĐT ngày 31/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh truy tố là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ: tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H, bị cáo Đ là người dân tộc thiểu số còn hạn chế về hiểu biết pháp luật là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo L và T đã trả lại tiền cho người bị hại để khắc phục hậu quả nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; bị cáo Đ, L, T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. HĐXX thấy bị cáo Nguyễn Văn H đã có tiền án chưa được xóa án tích nhưng lại phạm tội rất nghiêm trọng, trong vụ án này bị cáo là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, không khắc phục hậu quả nên phải có mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo. Bị cáo Hà Văn Đ tuy còn độ tuổi chưa thành niên nhưng bị cáo đã thực hiện hành vi, vi phạm rất nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho cơ quan điều tra, bản thân bị cáo không có biện pháp khắc phục hậu quả nên cũng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo.

Bị cáo Đặng Văn L tuy có đã có tiền án nhưng đã được xóa án tích, được coi là chưa có tiền án, nay bị cáo do thiếu hiểu biết pháp luật, phạm tội ít nghiêm trọng, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo.

Bị cáo Đàm Văn T có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ. HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn H và Hà Văn Đ chiếm đoạt của chị Đinh Thị Th số tiền 203.000.000đ. Ngay sau khi lấy tiền H đưa cho Đ cọc tiền 18.500.000đ và 3.000.000đ anh Th đưa trả cho chị Th còn H cầm cất giữ số tiền 181.500.000đ. Trong quá trình chi tiêu H đã dùng số tiền cất giữ cho L vay 20 triệu đồng và đưa T 6,6 triệu đồng. Quá trình điều tra L và T đã trả cho chị Th 26,6 triệu đồng, tổng số tiền bị cáo H và Đ có trách nhiệm trả cho chị Th là 176.400.000đ. Từ nhận định trên HĐXX buộc bị cáo H và Đ phải trả cho Th số tiền là 176.400.000đ. Chia theo phần buộc bị cáo H phải trả số tiền 88.200.000đ (Tám mươi tám triệu hai trăm ngàn đồng). Buộc bị cáo Đ phải trả số tiền 88.200.000đ (Tám mươi tám triệu hai trăm ngàn đồng).

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[8] Án phí dân sự: bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 4.410.000đ.

Bị cáo Hà Văn Đ phải nộp 4.410.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H và Hà Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Đặng Văn L và Đàm Văn T phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

1. Căn cứ Khoản 3 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 07 năm 06 tháng tù (bảy năm, sáu tháng). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam, ngày 10/3/2019.

2. Căn cứ Khoản 3 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 101 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hà Văn Đ 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam, ngày 05/5/2019.

3. Căn cứ Khoản 1 Điều 390, Điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Văn L 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. (bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2019 đến ngày 11/4/2019).

4. Căn cứ Khoản 1 Điều 390, Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đàm Văn T 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. (bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2019 đến ngày 25/4/2019).

Giao bị cáo Đặng Văn L cho UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đàm Văn T cho UBND xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại Khoản 5 Điều 65 BLHS.

5. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

6. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo H và Đ phải trả cho chị Đinh Thị Th số tiền là 176.400.000đ. Chia theo phần bị cáo H phải trả số tiền 88.200.000đ (Tám mươi tám triệu, hai trăm ngàn đồng). Bị cáo Đ phải trả số tiền 88.200.000đ (Tám mươi tám triệu, hai trăm ngàn đồng).

7. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 BLHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn H, Hà Văn Đ, Đặng Văn L, Đàm Văn T mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Án phí dân sự: bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 4.410.000đ.

Bị cáo Hà Văn Đ phải nộp 4.410.000đ.

8. Quyền kháng cáo: bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Đ, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế theo các Điều 6, 7, 9

Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định.
- VKSND huyện Trực Ninh.
- Công an Huyện Trực Ninh.
- Chi cục THADS Huyện Trực Ninh.
- UBND xã.
- Bị cáo, người bị hại.
- Lưu HSVA
- Lưu : VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Mai Xuân Mạnh